

NHỮNG CHUẨN MỤC ĐẠO ĐỨC CƠ BẢN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TRONG CA DAO, TỤC NGỮ

NGUYỄN QUẾ DIỆU*

Ca dao, tục ngữ là sản phẩm của đông đảo quần chúng nhân dân Việt Nam, phản ánh phong phú, đa dạng đời sống sinh hoạt của nhân dân, nhất là mối quan hệ giữa con người với con người trong cuộc sống. Trong đó, các chuẩn mực đạo đức như: lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất hay tinh thần nhân nghĩa và các đức tính trung thực, cần cù, tiết kiệm của người Việt Nam cũng được thể hiện trong ca dao, tục ngữ với biểu đạt hết sức ngắn gọn, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung phân tích làm rõ một số chuẩn mực đạo đức cơ bản được thể hiện qua ca dao, tục ngữ.

Từ khóa: chuẩn mực đạo đức, ca dao, tục ngữ Việt Nam

Nhận bài ngày: 22/7/2019; *đưa vào biên tập:* 29/7/2019; *phản biện:* 2/8/2019; *duyet đăng:* 8/10/2019

1. GIỚI THIỆU

Ca dao, tục ngữ là một bộ phận của văn học dân gian, gồm những bài văn vần do đông đảo quần chúng nhân dân sáng tác, được lưu truyền chủ yếu bằng phương thức truyền miệng, được phổ biến rộng rãi, có sức sống lâu bền và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

Thông qua ca dao, tục ngữ, con người tiếp nhận các giá trị, chuẩn mực đạo đức để điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với yêu cầu của dư luận xã hội đặt ra nhằm mục đích hướng con người đến chân, thiện, mỹ. Ca dao, tục ngữ Việt Nam được xem là “hòn ngọc quý” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 11: 559) bởi nó đóng vai trò nâng cao đời

sống tinh thần, giáo dục con người hướng đến những giá trị sống tốt đẹp, góp phần giúp cho các cá nhân trong xã hội định hình khuôn mẫu, lối sống, nhân cách của con người Việt Nam từ trước tới nay.

Chính vì vậy, nghiên cứu những chuẩn mực đạo đức cơ bản của người Việt Nam trong ca dao, tục ngữ vừa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ, lưu truyền những giá trị trong cuộc sống của các thế hệ đi trước, vừa góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

2. ĐẠO ĐỨC VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI VIỆT NAM

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đạo đức là “một hình thái ý

* Trường Đại học Trần Đại Nghĩa.

thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội” (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2014: 8).

Đạo đức là một lĩnh vực chỉ xuất hiện trong đời sống của xã hội loài người, là một phương thức cơ bản để điều chỉnh thái độ, hành vi của các cá nhân, cộng đồng nhằm giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa cá nhân với cộng đồng, xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

Để con người thực sự hành động phù hợp với các yêu cầu đã được đặt ra trong các phạm trù đạo đức, thì cần phải có một hệ thống các nguyên tắc, phương pháp, cách thức có ảnh hưởng, chi phối hành vi đạo đức của con người, để họ hành động cho đúng, cho “chuẩn”, được xã hội chấp nhận gọi là chuẩn mực đạo đức. Tác dụng của các chuẩn mực đạo đức là nhằm điều chỉnh hành vi đạo đức của các cá nhân, nhóm, cộng đồng, xã hội mà mục tiêu cao hơn, đó là nhằm mang lại lợi ích cho chính họ.

Đồng thời, khi nói đến đạo đức là nói đến hệ thống giá trị, trong đó, các tiêu chuẩn, giá trị của đạo đức được con người giải quyết một cách phù hợp và đúng đắn mối tương quan về mặt lợi ích: lợi ích của con người, lợi ích của cộng đồng, xã hội. Trong đời sống, con người hành động phù hợp với

nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức sẽ được cộng đồng, xã hội đồng tình, ủng hộ; còn những hành vi, hành động trái với các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức sẽ bị cộng đồng, xã hội phê phán, lên án và xa lánh. Hệ thống các chuẩn mực, nguyên tắc, quy tắc, giá trị đạo đức phù hợp với đời sống của cộng đồng, xã hội sẽ thúc đẩy xã hội phát triển một cách tích cực, ngược lại, sẽ tạo nên những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển của xã hội.

Phẩm chất đạo đức cần có ở các cá nhân, cộng đồng xã hội trong một xã hội nhất định như trung thành và sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc; tình yêu thương, nghĩa vụ, trách nhiệm của con người đối với con người; hoặc những phẩm chất như trung thực, cần cù, tiết kiệm, giản dị trong cuộc sống... Những quan điểm và những phẩm chất đạo đức nói trên đã xuất hiện trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, được các hình thái ý thức xã hội phản ánh, trong đó có văn học nghệ thuật nói chung và ca dao, tục ngữ Việt Nam nói riêng.

3. NHỮNG CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CƠ BẢN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TRONG CA DAO, TỤC NGỮ

Với tính xã hội vốn có, ca dao, tục ngữ phản ánh chân thực đời sống, sinh hoạt của nhân dân ta trong lịch sử phát triển của dân tộc dưới dạng những câu nói, lời thơ ngắn gọn. Trong đó, nổi bật nhất là các chuẩn mực về lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất, tinh thần

nhân nghĩa, đoàn kết, hay các đức tính trung thực, cần cù, tiết kiệm của nhân dân ta. Những chuẩn mực đạo đức ấy được thể hiện một cách tha thiết, sâu lắng bằng những lời nói, những câu thơ dân gian tuy ngắn gọn nhưng hết sức sâu sắc nhằm phản ánh và điều tiết các quan hệ xã hội, thái độ, hành vi, ứng xử giữa con người với con người trong xã hội Việt Nam ở những giai đoạn lịch sử nhất định.

3.1. Lòng yêu nước của người Việt Nam trong ca dao, tục ngữ

Yêu nước là “một trong những tình cảm sâu sắc nhất, đã được củng cố qua hàng trăm năm, hàng nghìn năm tồn tại của các quốc gia biệt lập” (V.I. Lênin, 1977: 326). Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, vừa chống chọi với thiên tai, vừa đấu tranh chống quân xâm lược đã hun đúc nên lòng yêu nước cho các thế hệ người Việt Nam. Đối với đất nước ta, yêu nước chính là “sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử” (Trần Văn Giàu, 1980: 100), là một trong những giá trị truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Lòng yêu nước của người Việt Nam trong ca dao, tục ngữ được thể hiện qua hệ thống tri thức của nhân dân ta đối với quê hương, đất nước, đó là những tình cảm và ý chí, thúc đẩy mọi người dân hành động vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Lòng yêu nước được thể hiện trong ca dao, tục ngữ Việt Nam bằng những ngôn từ rất gần gũi với cuộc sống, sinh hoạt của nhân dân nhưng cũng

rất sâu lắng. Trong đó, nhiều câu ca dao, tục ngữ nói lên lòng tự hào đối với cảnh đẹp thiên nhiên, con người tài hoa hay ca ngợi các sản vật của các vùng miền của đất nước... Chẳng hạn, ca dao Việt Nam đã khắc họa vẻ đẹp phong cảnh thơ mộng của vùng đất xứ Nghệ: “Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/ Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 158); hay ca ngợi những đức tính tốt đẹp của con người, như: “Gái Xuân Lai, trai Bảo Tháp” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 1: 180) (làng Xuân Lai và Bảo Tháp thuộc xã Đông Cứ, Gia Bình, Bắc Ninh ngày nay). Ngày xưa gái Xuân Lai vốn giỏi đan tre, trúc, còn trai làng Bảo Tháp lại giỏi trồng trọt và làm lụng. Hoặc “Bến Tre gái đẹp thiệt thà/ Nói năng nhỏ nhẹ, mặn mà có duyên” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 138)..., cũng đã đề cập đến các đặc trưng nhất định của những người con gái, con trai vừa đẹp người đẹp nét, lao động giỏi đến từ các vùng, miền khác nhau của quê hương, đất nước.

Bên cạnh đó, tình cảm của nhân dân Việt Nam đối với quê hương, đất nước còn được biểu hiện thông qua việc ca ngợi những nghề nghiệp, sản phẩm đặc trưng của các vùng, miền như: “Bình Lãng rút kén ươm tơ, chợ trâu Quý Nhất, bánh đa làng Vò”, “Họ Dương lập làng, họ Hoàng đào giếng”, (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân

văn Quốc gia, 2002, tập 1: 108, 190)... Khi đề cập đến khả năng “rút kén, ươm tơ” người xưa nghĩ ngay đến Bình Lãng bởi đây là làng nghề nổi tiếng, trở thành thương hiệu của người dân nơi đây, còn “Quý Nhất” là nơi diễn ra mua bán trâu - con trâu vốn là “đầu cơ nghiệp” của người Việt xưa và nói đến nghề tráng bánh đa thì phải kể ngay đến Làng Vò.

Đặc biệt, lòng yêu nước còn được thể hiện trong ca dao, tục ngữ bằng việc đề cao ý chí tự lực, tự cường trong xây dựng và bảo vệ đất nước của người Việt Nam cũng như phê phán các hành vi gây tổn hại đến đời sống, văn hóa của dân tộc và lên án các hành vi bán nước, cướp nước của bè lũ tay sai, của các thế lực ngoại xâm.

Để giành lại và giữ gìn được nền độc lập, các thế hệ cha ông ta đã trải qua nhiều cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, khẳng định nền độc lập, chủ quyền của dân tộc. Nếu như Lý Thường Kiệt khẳng định nền độc lập, chủ quyền của dân tộc: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” (Sông núi nước Nam, vua Nam ở), song song đó, ca dao, tục ngữ: “Cổ Loa là đất Đế kinh/ Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây”, “Ruộng ta ta cấy ta cày/ Không nhường một tấc cho bày Nhật Tây/ Chúng mày lảng vảng tới đây/ Rủ nhau gậy cuốc, đuổi ngay khỏi làng” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 142, 251). Ca dao, tục ngữ Việt Nam ca ngợi tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm; hoặc nói lên

lòng biết ơn những anh hùng có công đánh giặc, giữ nước hay ý chí căm thù của nhân dân ta đối với kẻ thù: “Bạch Đằng giang là sông cửa ải, tổng Hà Nam là bãi chiến trường”, “Đánh giặc họ Hàn, làm quan học Đặng”, “Hai mươi mốt Lê Lai, hai mươi hai Lê Lợi” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 1: 98, 161, 188) đã góp phần giúp nhân dân ta ghi nhớ những chiến công lừng lẫy trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938, Lê Hoàn năm 981 và Trần Hưng Đạo năm 1288, truyền thống đánh giặc của họ Hàn hay nhớ đến ngày giỗ của hai vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, Lê Lai. Hoặc: “Ru con con ngủ cho lành/ Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi/ Muốn coi, lên núi mà coi/ Có bà Triệu tướng cưỡi voi, đánh cồng”, “Con ơi con ngủ cho say/ Cha con đi giết sạch loài Lang-sa⁽¹⁾/ Lớn lên con nối chí cha/ Ra đi giết giặc, nước nhà bình yên” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 251, 262) cho thấy sự căm thù cũng như lòng quyết tâm, sẵn sàng hy sinh tất cả để đánh đuổi quân xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho đất nước.

Qua ca dao, tục ngữ lên án những hành động tham ô, bán nước của quan lại triều đình cũng như sự xâm lược của kẻ thù. “Chạy như chạy chánh tổng”, “Chạy như chạy lý trưởng” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 1: 776) ám chỉ những vị trí dễ bòn rút, tham ô của dân. Hay lên án chúa Nguyễn vì chúa Nguyễn đã từng giao

hảo với Pháp, tạo tiền đề cho Pháp vào xâm lược Việt Nam, gieo rắc nỗi bất hạnh cho nhân dân ta: “Thằng Tây hẳn ở bên Tây/ Bởi vua chúa Nguyễn rước thầy đem sang/ Cho nhà cho nước tan hoang/ Cho thiếp ngậm đắng, cho chàng ăn cay” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 272).

3.2. Nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam

Từ xa xưa, con người Việt Nam vốn đoàn kết, tương thân, tương ái, nương tựa vào nhau để vừa chống chọi với những khắc nghiệt của thiên nhiên, vừa đấu tranh chống quân xâm lược, do đó, tư tưởng nhân nghĩa của con người Việt Nam cũng sớm được hình thành.

“Nhân nghĩa” chính là “lòng yêu thương và sự trọng điều phải” (Nguyễn Lân, 2006: 1323).

Con người yêu thương nhau phải hành động vì nhau và đó là điều phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội. Điều này được phản ánh trong ca dao, tục ngữ Việt Nam trên một số phương diện cụ thể.

Một là, lòng yêu thương, trước hết giữa những con người chung huyết thống trong gia đình đến mối quan hệ với những người xung quanh và cao hơn nữa đó là mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng xã hội. “Ơn cha, nghĩa mẹ cao dày/ Tình chồng nghĩa vợ thảo ngay trọn đời” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 306, 430). Trong

mối quan hệ thầy - trò, bè bạn: “Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 619). Với bạn bè, “Bạn bè là nghĩa tương tri, sao cho sau trước một bề mới nên” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 1: 439). Thông qua ứng xử từ những mối quan hệ này với hàng xóm, cộng đồng, xã hội con người điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp, trên tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau như “tối lửa tắt đèn có nhau”, đoàn kết, gắn bó với nhau để chinh phục thiên nhiên và hợp lực tạo nên sức mạnh chống quân xâm lược. Rộng hơn nữa, ca dao, tục ngữ đề cập đến các quan hệ “đồng bào” trong cùng một đất nước, sẵn sàng hành động vì tình thương đối với đồng bào, đối với quê hương, đất nước. Tình thương ấy không chỉ là giúp đỡ nhau vượt qua mọi khó khăn, mà còn là sự cảm thông, chia sẻ những nỗi đau, mất mát của con người trong một cộng đồng, xã hội, như: “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 698); “Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 625).

Hai là, khuyến khích, cổ vũ cho việc thiện, điều tốt, bảo vệ lẽ phải, đồng thời phê phán, lên án những thói hư tật xấu gây hại cho cộng đồng, xã hội. Những câu tục ngữ, ca dao: “Có đức

mặc sức mà ăn” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 133); hoặc: “Làm trai đứng ở trên đời/ Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta/ Ghé vai gánh đỡ sơn hà/ Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 1092) qua đó nhấn nhủ mọi người biết tôn trọng lễ phải và biết cách xử sự cho đúng mực, hợp tình hợp lý trong cuộc sống.

Ba là, bên cạnh sự cố vũ cho việc làm, hành động vì lẽ phải, thì đồng thời lên án những hành vi bất nghĩa, phê phán những thói hư tật xấu nhằm chống cái ác, hướng con người tới cái thiện. “Ác giả ác báo, hại nhân nhân hại”, “Cấy ác thì gặt ác” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 629, 631); “Ra tay cầm lửa đốt trời, chẳng may lửa rớt lửa rơi xuống đầu” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 640); “Nghĩa nhân chi thứ cường quyền/ Chúng chỉ vì tiền sinh chuyện hại dân” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 636).

3.3. Đức tính trung thực, cần cù, tiết kiệm của con người Việt Nam trong ca dao, tục ngữ

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam gắn liền quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế - xã hội nông nghiệp truyền thống. Từ xa xưa, các thế hệ cha ông ta đã khai hoang lập ấp, phát triển chăn nuôi và trồng trọt, hình thành các cộng đồng dân cư. Hàng ngàn năm qua dân tộc Việt Nam vừa đấu tranh chống ngoại

xâm vừa chống chọi với thiên tai và cải tạo thiên nhiên đã góp phần to lớn trong việc hình thành, mở mang nền văn hóa dân tộc. Nền kinh tế nông nghiệp và đời sống xã hội ở nông thôn đã tạo nên sự cố kết và tính cộng đồng về mặt dân cư và lãnh thổ của các làng, xã. Sự cố kết này dựa trên quan hệ láng giềng, huyết tộc hoặc dòng họ, hình thành nên quan hệ nhà - làng - nước hết sức bền vững của dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, để củng cố mối liên kết nhà - làng - nước ấy, những đòi hỏi về mặt đạo đức cũng được đặt ra cho con người sống trong cộng đồng xã hội, đó là con người cần phải có các đức tính như: trung thực, cần cù, tiết kiệm.

Đức tính trung thực, cần cù, tiết kiệm của con người Việt Nam phản ánh qua ca dao, tục ngữ khá sâu sắc: “Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành”, “Những người tính nết thật thà, đi đâu cũng được người ta tin dùng” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 618, 624); “Người gian thì sợ người ngay/ Người ngay chẳng sợ đường cày khúc khiu” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 1095) đã đề cao đức tính trung thực của người Việt Nam. Con người muốn sống với nhau có nghĩa, có tình thì trước hết không chỉ phải trung thực, thẳng thắn với nhau, mà còn phải tìm mọi cách để ngăn chặn các biểu hiện của sự giả dối, như: “Bịa láo ông Táo bẻ răng”, “Một lời nói dối, sám hối bảy ngày” (Trung tâm Khoa học Xã hội và

Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 619, 623) nhằm điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong cộng đồng, xã hội.

Hay: “Buông tay cày lại quay tay cuốc” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 1: 325); “có làm, có ăn”, “Có khó nhọc mới có lộc có rang” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 134)...; hay các câu ca dao “Cày đồng đang buổi ban trưa/Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày”, “Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang/ Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu”, “Muốn no thì phải chăm làm/ Một hạt lúa vàng chín giọt mồ hôi” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 659, 676, 1106) nói lên đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó. Bên cạnh đó phê phán thói lười biếng: “Ăn thì ăn miếng ngon, làm thì chọn việc cón con mà làm”, “Giàu đâu đến thẳng lười” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 130, 136)...; “Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa/Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 15: 1116).

Tiết kiệm để dành khi ốm đau, cơ nhỡ, khi thiên tai, địch họa là đức tính cần thiết của người Việt Nam: “Ăn bữa mai để củ khoai bữa mốt”, “Tiết kiệm sẵn có đồng tiền/ Phòng khi túng nhờ không phiền lụy ai” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 687, 692). Đối lập với

tiết kiệm là tính hoang phí. Phê phán thói hoang phí ở con người được nhấn mạnh để nhắc nhở nhau tránh thói hư tật xấu này: “Có đồng nào xào đồng ấy”, “Ít chất chiu hơn nhiều phung phí”, “Làm một tấc, ăn một thước” (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2002, tập 2: 689, 691).

4. KẾT LUẬN

Tư tưởng đạo đức trong ca dao, tục ngữ Việt Nam là một hình thái ý thức xã hội, được hình thành, phát triển trên cơ sở, nền tảng của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, lịch sử. Ca dao, tục ngữ Việt Nam được xem như là một “bộ bách khoa toàn thư về kiến thức (...), tôn giáo, triết học của nhân dân” (Đình Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn, 2002: 15) và nó góp phần nâng cao nhận thức, gìn giữ và lưu truyền hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy của con người, trong đó có đạo đức. Các câu nói ngắn gọn, khúc chiết, vần điệu nhưng gần gũi và sâu sắc về mọi phương diện của đời sống không chỉ là những bài học sinh động đối với tất cả mọi người mà còn góp phần to lớn trong giáo dục, điều chỉnh hành vi của con người hướng đến chân - thiện - mỹ.

Trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay, những tư tưởng đạo đức trong ca dao, tục ngữ Việt Nam vẫn chứa đựng nhiều giá trị tích cực cần được phát huy trong điều kiện mới. □

CHÚ THÍCH

(1) Lang-sa: Pháp.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2014. *Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII.* Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
3. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn. 2002. *Văn học dân gian Việt Nam.* Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
4. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập* - tập 6, tập 11. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2000. *Giáo trình Đạo đức học.* Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. V.I. Lênin. 1977. *Toàn tập* - tập 41. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
7. Nguyễn Lân. 2006. *Từ điển từ và ngữ Việt Nam.* TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
8. Nguyễn Như Ý (chủ biên). 1999. *Đại từ điển tiếng Việt.* Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
9. Trần Văn Giàu. 1980. *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam.* Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. 2002. *Tổng tập văn học dân gian người Việt* - tập 1, tập 2, tập 15. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.